

CÔNG TY CỔ PHẦN X20  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



## CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội

---

### MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 41

02  
ÔN  
NH  
OÁP  
IỆ  
31A

## CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Chúng tôi, các thành viên Ban Điều hành Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### Ban điều hành

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

### Hội đồng quản trị

Ông Chu Văn Đệ	Chủ tịch
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 02/8/2024)
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 02/8/2024)
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 02/8/2024)
Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 02/8/2024)
Ông Hoàng Văn Linh	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 02/8/2024)

### Ban Tổng giám đốc

Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Hà Chí Khoa	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Văn Nghĩa	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/8/2024)

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

(tiếp theo)

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

CÔNG TY CỔ PHẦN X20 



**Chu Văn Đệ**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2025

M.S.S.  
T.Y.  
HUU  
DINH  
AI  
TT

Số: 1403.06 -25/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Điều hành**  
**Công ty Cổ phần X20**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Ngô Bá Duy**

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐÌNH GIÁ VIỆT NAM**

**Phạm Thị Hiền**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2023-034-1

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>498.601.724.905</b>	<b>380.902.925.026</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>231.086.174.686</b>	<b>55.568.521.339</b>
1. Tiền	111		231.086.174.686	54.063.158.325
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.505.363.014
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.3.</b>	<b>400.000.000</b>	<b>300.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		400.000.000	300.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>75.129.916.643</b>	<b>91.540.329.770</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	54.984.146.617	102.777.945.702
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	20.496.135.640	1.827.924.641
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	1.021.745.262	204.167.555
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6.	(1.372.110.876)	(13.269.708.128)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7.</b>	<b>178.244.994.817</b>	<b>219.539.809.977</b>
1. Hàng tồn kho	141		180.683.060.322	226.544.080.219
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.438.065.505)	(7.004.270.242)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.740.638.759</b>	<b>13.954.263.940</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.	1.627.045.457	464.930.876
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.548.410.168	12.907.581.028
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.14.	565.183.134	581.752.036
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>190.471.610.788</b>	<b>208.861.110.118</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>171.783.151.455</b>	<b>194.643.651.415</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.10.	160.647.097.243	183.420.746.919
- Nguyên giá	222		505.115.770.682	499.168.934.883
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(344.468.673.439)	(315.748.187.964)
2. TSCĐ vô hình	227	V.11.	11.136.054.212	11.222.904.496
- Nguyên giá	228		12.856.806.347	12.626.806.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.720.752.135)	(1.403.901.851)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.489.371.153</b>	<b>1.324.043.519</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9.	2.489.371.153	1.324.043.519
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.3.</b>	<b>3.611.812.514</b>	<b>3.348.194.519</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.611.812.514	3.348.194.519
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.587.275.666</b>	<b>9.545.220.665</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	12.587.275.666	9.007.949.387
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19.	-	537.271.278
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>689.073.335.693</b>	<b>589.764.035.144</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2024	01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>399.378.315.594</b>	<b>330.557.418.166</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>381.278.291.639</b>	<b>327.093.816.398</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	189.112.686.247	232.405.251.732
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	28.958.971.238	3.513.594.515
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.14.	22.653.312.218	7.476.882.644
4. Phải trả người lao động	314		66.586.108.390	60.154.152.959
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	2.734.784.345	5.670.973.042
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16.	202.504.223	54.450.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	10.650.580.541	6.521.889.996
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20.	2.772.000.000	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18.	53.553.099.036	3.052.439.862
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.054.245.401	8.244.181.648
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.100.023.955</b>	<b>3.463.601.768</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16.	513.463.500	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	906.000.000	1.498.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20.	10.487.173.006	-
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.21.	6.193.387.449	1.965.601.768
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>289.695.020.099</b>	<b>259.206.616.978</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22.</b>	<b>289.695.020.099</b>	<b>259.206.616.978</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.500.000.000	172.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.500.000.000	172.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		69.776.933.289	68.091.509.624
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.418.086.810	18.615.107.354
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.385.756.802	3.379.730.472
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		43.032.330.008	15.235.376.882
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>689.073.335.693</b>	<b>589.764.035.144</b>

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa

Chu Văn Đệ

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1.</b>	<b>1.301.769.510.923</b>	<b>1.034.395.080.781</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>1.301.769.510.923</b>	<b>1.034.395.080.781</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	1.062.228.738.628	863.917.927.071
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>239.540.772.295</b>	<b>170.477.153.710</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	2.320.635.915	3.262.667.654
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	137.375.414	101.458.849
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		487.613	25.975.123
8. Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	24		623.802.722	502.534.381
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	36.631.342.894	24.646.990.394
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	148.116.309.206	121.560.055.671
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>57.600.183.418</b>	<b>27.933.850.831</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.5.	295.639.194	282.668.643
13. Chi phí khác	32	VI.6.	339.796.462	1.272.732.057
<b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(44.157.268)</b>	<b>(990.063.414)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>57.556.026.150</b>	<b>26.943.787.417</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	11.794.996.114	6.309.906.807
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10.	537.271.278	253.388.545
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>45.223.758.758</b>	<b>20.380.492.065</b>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		45.223.758.758	20.380.492.065
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	2.592	923

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa

Chu Văn Đệ

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		57.556.026.150	26.943.787.417
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		33.832.284.971	29.795.670.284
-	Các khoản dự phòng	03		34.036.857.185	(3.626.197.665)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(132.916.648)	8.927.130
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.570.254.085)	(3.015.607.069)
-	Chi phí lãi vay	06		487.613	25.975.123
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		3.487.903.403	(1.553.333.207)
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		127.210.388.589	48.579.222.013
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		29.666.531.755	(49.380.802.575)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		45.861.019.897	(46.388.546.964)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.053.648.085	28.335.525.235
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.741.440.860)	3.150.486.646
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(487.613)	(25.975.123)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.808.859.483)	(4.201.217.194)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.099.027.601)	(4.026.944.467)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		183.141.772.769	(23.958.252.429)
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.137.112.645)	(30.751.785.807)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		244.622.222	88.141.415
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.905.685.795)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(100.000.000)	6.727.579.090
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.325.631.863	2.941.315.869
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(10.666.858.560)	(22.900.435.228)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1.	Tiền thu từ đi vay	33		13.553.421.517	1.260.760.670
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(294.248.511)	(1.260.760.670)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.350.000.000)	(8.624.069.800)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>2.909.173.006</i>	<i>(8.624.069.800)</i>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>175.384.087.215</b>	<b>(55.482.757.457)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>55.568.521.339</b>	<b>111.060.205.926</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		133.566.132	(8.927.130)
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1.</b>	<b>231.086.174.686</b>	<b>55.568.521.339</b>

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa

Chu Văn Đệ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty 20 thuộc Tổng cục Hậu cần, theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28/12/2007 của Bộ Quốc phòng, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2008, Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 10/5/2024 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh thì Vốn điều lệ của Công ty là **172.500.000.000 VND** (Một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là X20.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mặt hàng dệt và may mặc.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là:

- Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may; Kinh doanh nhiên liệu, hóa chất, thuốc nhuộm phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy, dây bảo hiểm, phao cứu sinh, ...; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, ...;
- Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng;
- Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

**Trụ sở chính của Công ty:** Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất độ kèm theo)

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

*Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 như sau:*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1. Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Lô 01 – KCN Hòa Xá, phường Mỹ Xá, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	Xã Hóa Thượng, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt may in	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	Số 01 Tuệ Tĩnh, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Số 04 Lê Hồng Phong, phường Ba Đình, TP. Thanh Hóa	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%

*Thông tin chi tiết về công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 như sau:*

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần 199 có trụ sở chính tại thôn Mậu Chử, xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên kết này là sản xuất hàng may sẵn. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết là 33,4%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

*Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:*

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 – Xí nghiệp Thương mại	Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội
2. Xí Nghiệp Đo may Quân đội	Phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP. Hà Nội
3. Chi nhánh Miền Trung - Công ty Cổ phần X20	Số 78 Tuệ Tĩnh, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
4. Trường mầm non	Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**7. Số lượng nhân viên**

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2024: 1.922 người (Tại ngày 31/12/2023: 2.040 người)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất độ kèm theo)

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng****1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**IV. Các chính sách kế toán chủ yếu****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Do tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết tại tất cả các Công ty con là 100% nên không có lợi ích cổ đông không kiểm soát.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm theo)

**Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Khi phần lỗ của Công ty liên kết mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất là tỷ giá công bố của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm theo)

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4. Nguyên tắc xác định tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**5. Nguyên tắc xác định các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**6. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất độ kèm theo)

thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**

**8.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa vật kiến trúc	07 – 25
Máy móc, thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	05 – 10



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất độ kèm theo)

Thiết bị dụng cụ quản lý

02 – 05

Tài sản cố định khác

02 – 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**8.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất, Chương trình phần mềm.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (20 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí cải tạo nhà xưởng, chi phí triển khai phần mềm sản xuất và chi phí thi công các hạng mục Chi nhánh Miền Trung được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

512  
CÔ  
CH  
4 TO  
VII  
GA

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất độ kèm theo)

**10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí chờ phân bổ khác.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định thể hiện các chi phí chính phát sinh trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

**11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay. Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

**13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

**14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước tiền lương nghỉ phép, chi phí Dự án xây dựng nhà chung cư và các khoản chi phí trích trước khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh. Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm theo)

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa và Dự phòng quỹ tiền lương.

***Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa***

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa bằng 5% trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

***Dự phòng tiền lương***

Dự phòng tiền lương được Công ty trích lập không quá 17% từ quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 để bổ sung cho quỹ tiền lương năm sau nhằm đảm bảo mức thu nhập ổn định cho người lao động.

**16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng thuê tài sản đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán. Việc phân bổ để ghi nhận doanh thu theo thời gian thực tế thuê của hợp đồng.

**17. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trích lập trong năm và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện tại quỹ có thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau/tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

**18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm may mặc; doanh thu dịch vụ cho thuê mặt bằng, tài sản và doanh thu tiền lãi.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất độ kèm theo)

**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

**Doanh thu tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

**20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá và các khoản chi phí tài chính khác.

**21. Các nghĩa vụ về thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm theo)

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

**22. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh sản phẩm may mặc và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>231.086.174.686</b>	<b>54.063.158.325</b>
Tiền mặt	2.362.378.468	2.879.552.552
Tiền gửi ngân hàng	228.723.796.218	51.183.605.773
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>-</b>	<b>1.505.363.014</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	1.505.363.014
<b>Cộng</b>	<b>231.086.174.686</b>	<b>55.568.521.339</b>

**2. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Đầu tư Cái Mép	-	-	9.301.376.971	(9.301.376.971)
Công ty CP sản xuất và Thương mại Kim Ánh	-	-	2.939.663.793	-
Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	23.154.791.994	-
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần	-	-	11.270.971.838	-
Tập đoàn Công nghiệp - viễn thông Quân đội	10.371.135.463	-	87.394.906	-
Công ty Đầu tư Sản xuất và Thương mại Hòa An	1.038.257.550	(1.038.257.550)	1.038.257.550	(1.038.257.550)
Công ty CP Dệt - May Nha Trang - CN Hồ Chí Minh	779.530.144	-	753.923.946	-
Tổng cục thuế	14.512.798.450	-	-	-
Cục Hậu cần - Kỹ thuật quân khu 5	3.821.974.200	-	-	-
Công ty TNHH MTV Tổng công ty xăng dầu Quân đội	2.065.546.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thời trang Haki	3.063.581.600	-	-	-
Bộ tư lệnh Biên phòng - Bộ Quốc phòng	-	-	5.162.856.343	-
Cục Dân Quân Tự Vệ	-	-	31.592.259.900	-
Các đối tượng khác	19.331.323.210	(333.853.326)	17.476.448.461	(2.930.073.607)
<b>Cộng</b>	<b>54.984.146.617</b>	<b>(1.372.110.876)</b>	<b>102.777.945.702</b>	<b>(13.269.708.128)</b>

**b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**3. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2024		01/01/2024		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
<b>Ngắn hạn</b>					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang (*)	100.000.000	100.000.000	-	-	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định (**)	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>	

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,1%/năm, lãi trả cuối kỳ.

(\*\*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 380/2023/2311 ngày 29/6/2023, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 5,2%/năm, trả lãi vào cuối kỳ. Hợp đồng tự động gia hạn.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2024		01/01/2024		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Điều chỉnh lũy kế	Giá trị ghi sổ	Điều chỉnh lũy kế	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần 199 (*)	1.659.000.000	1.952.812.514	3.611.812.514	1.689.194.519	3.348.194.519
<b>Cộng</b>	<b>1.659.000.000</b>	<b>1.952.812.514</b>	<b>3.611.812.514</b>	<b>1.689.194.519</b>	<b>3.348.194.519</b>

(\*) Công ty Cổ phần 199 hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa và phân phối lợi nhuận.

Tại thời điểm 31/12/2024, khoản đầu tư nêu trên không xác định được giá trị hợp lý do không có giá trị giao dịch trên thị trường hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá lại giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**4. Trả trước cho người bán**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty CP Thời trang Haki	-	1.523.424.641
Jiangsu Saga Textile Machinery Co., Ltd	19.127.781.120	-
Các đối tượng khác	1.368.354.520	304.500.000
<b>Cộng</b>	<b>20.496.135.640</b>	<b>1.827.924.641</b>

**5. Phải thu khác**

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Tạm ứng	49.284.050	-	37.978.800	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	306.967.100	-	11.500.000	-
Phải thu khác	564.740.346	-	129.868.914	-
Dư nợ phải trả khác	100.753.766	-	24.819.841	-
<b>Cộng</b>	<b>1.021.745.262</b>	<b>-</b>	<b>204.167.555</b>	<b>-</b>

**6. Nợ xấu**

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng không có khả năng thu hồi</b>				
<i>Phải thu khách hàng</i>				
Công ty CP Đầu tư Cái Mép	-	-	9.301.376.971	-
CK Diaz General Merchandise	-	-	1.392.082.205	-
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	-	-	997.191.910	-
Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Thương mại Hòa An	1.038.257.550	-	1.038.257.550	-
Các đối tượng khác	370.384.326	36.531.000	540.799.492	-
<b>Cộng</b>	<b>1.408.641.876</b>	<b>36.531.000</b>	<b>13.269.708.128</b>	<b>-</b>

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**7. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	21.734.480.308	(883.864.078)	31.845.825.332	(5.144.191.967)
Công cụ, dụng cụ	490.492.511	-	492.687.578	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.425.828.691	-	31.657.041.074	-
Thành phẩm	126.921.478.976	(1.554.201.427)	142.312.736.685	(1.773.854.799)
Hàng hoá	3.110.779.836	-	20.235.789.550	(86.223.476)
<b>Cộng</b>	<b>180.683.060.322</b>	<b>(2.438.065.505)</b>	<b>226.544.080.219</b>	<b>(7.004.270.242)</b>

**8. Chi phí trả trước**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.627.045.457</b>	<b>464.930.876</b>
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	939.428.432	113.924.341
Chi phí sửa chữa, cải tạo chờ phân bổ	360.548.763	189.484.146
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	100.978.112	101.788.126
Chi phí trả trước khác	226.090.150	59.734.263
<b>b) Dài hạn</b>	<b>12.587.275.666</b>	<b>9.007.949.387</b>
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	6.225.886.314	1.068.223.803
Chi phí sửa chữa, cải tạo chờ phân bổ	6.361.389.352	7.863.412.810
Chi phí trả trước khác	-	76.312.774
<b>Cộng</b>	<b>14.214.321.123</b>	<b>9.472.880.263</b>

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Các hạng mục cải tạo nhà xưởng TMC	125.175.000	185.443.519
Phần mềm quản trị doanh nghiệp Viindoo	750.600.000	750.600.000
Quy hoạch, di dời, đầu tư máy móc phân xưởng nhuộm	814.078.910	388.000.000
Phần mềm quản lý khách sạn	480.917.243	-
Bản quyền hệ thống phần mềm FPR SPRO	318.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.489.371.153</b>	<b>1.324.043.519</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**  
Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
						Cộng	
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư ngày 01/01/2024	287.070.108.306	179.844.759.019	19.918.412.494	7.241.362.937	5.094.292.127	499.168.934.883	
Mua trong năm	283.677.400	4.730.651.063	3.119.792.087	1.439.832.091	-	9.573.952.641	
Đầu tư XDCB hoàn thành	505.455.426	662.376.944	-	-	-	1.167.832.370	
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.279.949.212)	-	(515.000.000)	-	(4.794.949.212)	
Phân loại lại giữa các nhóm tài sản	(594.154.545)	594.154.545	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2024	287.265.086.587	181.551.992.359	23.038.204.581	8.166.195.028	5.094.292.127	505.115.770.682	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư ngày 01/01/2024	160.851.231.577	131.158.811.149	13.673.204.944	5.684.648.167	4.380.292.127	315.748.187.964	
Khấu hao trong năm	16.164.083.469	14.957.530.098	1.750.799.455	643.021.665	-	33.515.434.687	
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.279.949.212)	-	(515.000.000)	-	(4.794.949.212)	
Phân loại lại giữa các nhóm tài sản	(594.154.545)	594.154.545	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2024	176.421.160.501	142.430.546.580	15.424.004.399	5.812.669.832	4.380.292.127	344.468.673.439	
<b>Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày 01/01/2024	126.218.876.729	48.685.947.870	6.245.207.550	1.556.714.770	714.000.000	183.420.746.919	
Tại ngày 31/12/2024	110.843.926.086	39.121.445.779	7.614.200.182	2.353.525.196	714.000.000	160.647.097.243	

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 152.955.139.899 đồng (Tại ngày 31/12/2023 là 140.809.504.842 đồng)

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2024	11.407.938.627	1.218.867.720	12.626.806.347
Mua trong năm	-	230.000.000	230.000.000
Số dư ngày 31/12/2024	11.407.938.627	1.448.867.720	12.856.806.347
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2024	618.628.608	785.273.243	1.403.901.851
Khấu hao trong năm	95.173.632	221.676.652	316.850.284
Số dư ngày 31/12/2024	713.802.240	1.006.949.895	1.720.752.135
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2024	10.789.310.019	433.594.477	11.222.904.496
Tại ngày 31/12/2024	10.694.136.387	441.917.825	11.136.054.212

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 333.367.720 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 263.367.720 đồng)

**12. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Nhuộm Hà Nội	29.594.433.886	29.594.433.886	32.179.229.620	32.179.229.620
Công ty TNHH Dệt May Châu Giang	33.119.443.923	33.119.443.923	55.638.495.436	55.638.495.436
Công ty CP Dệt Lụa Nam Định	743.152.320	743.152.320	1.517.120.414	1.517.120.414
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoa Tiến	20.477.543.284	20.477.543.284	24.369.946.353	24.369.946.353
Công ty CP Dệt may 7	-	-	9.801.567.756	9.801.567.756
Công ty CP May Khang Việt	-	-	3.921.179.300	3.921.179.300
Công ty TNHH Phong Lan	7.756.058.988	7.756.058.988	13.170.009.154	13.170.009.154
Công ty CP 199	12.847.387.801	12.847.387.801	13.857.015.489	13.857.015.489
Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh Vĩnh Thịnh	-	-	2.510.273.052	2.510.273.052
Các đối tượng khác	84.574.666.045	84.574.666.045	75.440.415.158	75.440.415.158
<b>Cộng</b>	<b>189.112.686.247</b>	<b>189.112.686.247</b>	<b>232.405.251.732</b>	<b>232.405.251.732</b>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**13. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	28.339.634.076	-
Các đối tượng khác	619.337.162	3.513.594.515
<b>Cộng</b>	<b>28.958.971.238</b>	<b>3.513.594.515</b>

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Khoản mục	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2024
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT đầu ra	5.117.618.977	32.148.522.722	21.313.178.827	15.952.962.872
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.897.138.270	1.897.138.270	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.327.279.130	11.376.326.340	7.243.676.349	6.459.929.121
Thuế thu nhập cá nhân	31.984.537	1.558.156.035	1.349.720.347	240.420.225
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	336.796.849	336.796.849	-
Các loại thuế khác	-	332.254.810	332.254.810	-
<b>Cộng</b>	<b>7.476.882.644</b>	<b>45.415.259.907</b>	<b>30.238.830.333</b>	<b>22.653.312.218</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	418.669.774	418.669.774	565.183.134	565.183.134
Thuế thu nhập cá nhân	163.082.262	525.786.651	362.704.389	-
<b>Cộng</b>	<b>581.752.036</b>	<b>944.456.425</b>	<b>927.887.523</b>	<b>565.183.134</b>

**15. Chi phí phải trả**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Trích trước tiền lương nghỉ phép	922.000.000	564.868.800
Trích trước tiền thuê đất Quốc phòng năm 2023	-	3.507.926.147
Trích trước chi phí Dự án xây dựng nhà chung cư	958.834.999	958.834.999
Trích trước chi phí khác	853.949.346	639.343.096
<b>Cộng</b>	<b>2.734.784.345</b>	<b>5.670.973.042</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**16. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>202.504.223</b>	<b>54.450.000</b>
Doanh thu nhận trước cho thuê tài sản	52.222.223	-
Doanh thu nhận trước hợp đồng hợp tác kinh doanh	150.282.000	54.450.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>513.463.500</b>	<b>-</b>
Doanh thu nhận trước hợp đồng hợp tác kinh doanh	513.463.500	-
<b>Cộng</b>	<b>715.967.723</b>	<b>54.450.000</b>

**17. Phải trả khác**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>10.650.580.541</b>	<b>6.521.889.996</b>
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	2.257.416.517	1.740.682.554
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	715.000.000	750.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.678.164.024	4.031.207.442
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	222.630.200	222.630.200
Phải trả khen thưởng thi đua năm 2024	2.111.020.000	-
Các đối tượng khác	5.344.513.824	3.808.577.242
<b>b) Dài hạn</b>	<b>906.000.000</b>	<b>1.498.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	906.000.000	1.498.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.556.580.541</b>	<b>8.019.889.996</b>

c) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**18. Dự phòng phải trả**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>28.959.596.568</b>	<b>-</b>
Dự phòng tiền lương phải trả người lao động	28.959.596.568	-
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	24.593.502.468	3.052.439.862
<b>Cộng</b>	<b>53.553.099.036</b>	<b>3.052.439.862</b>

**19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	537.271.278
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>537.271.278</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**  
Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**20. Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		Trong năm		Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm			
a) Ngắn hạn	2.772.000.000	2.772.000.000	2.974.248.511	202.248.511	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn</i>	-	-	202.248.511	202.248.511	-	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	202.248.511	202.248.511	-	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	2.772.000.000	2.772.000.000	2.772.000.000	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định (1)	2.772.000.000	2.772.000.000	2.772.000.000	-	-	-	-
b) Dài hạn	10.487.173.006	10.487.173.006	13.351.173.006	2.864.000.000	-	-	-
<i>Vay dài hạn</i>	10.487.173.006	10.487.173.006	13.351.173.006	2.864.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định (1)	10.487.173.006	10.487.173.006	13.351.173.006	2.864.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.259.173.006</b>	<b>13.259.173.006</b>	<b>16.325.421.517</b>	<b>3.066.248.511</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(1) Vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số TD01/2024-HĐCVĐA/T/NHCT380-X20 NAM ĐỊNH ngày 11/10/2024, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 14.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất 12%/năm, mục đích sử dụng cho vay dự án đầu tư đầy chuyên nhiệm liên tục, hoàn tất tại Công ty TNHH MTV X20 Nam Định (giai đoạn 1).

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**21. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

	Đơn vị tính: VND	
	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Cộng
Số đầu năm	1.965.601.768	1.965.601.768
Trích lập quỹ	4.227.785.681	4.227.785.681
Số cuối năm	<b>6.193.387.449</b>	<b>6.193.387.449</b>

**22. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2023	172.500.000.000	20.045.767.068	192.545.767.068
Lãi trong năm trước	-	20.380.492.065	20.380.492.065
Chia cổ tức	-	(8.625.000.000)	(8.625.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(7.525.784.906)	(7.525.784.906)
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2023	-	(5.145.115.183)	(5.145.115.183)
Giảm khác	-	(515.251.690)	(515.251.690)
Số dư ngày 31/12/2023	172.500.000.000	18.615.107.354	191.115.107.354
Lãi trong năm nay	-	45.223.758.758	45.223.758.758
Chia cổ tức (*)	-	(10.350.000.000)	(10.350.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(3.403.086.269)	(3.403.086.269)
Phân phối lợi nhuận năm 2024 (**)	-	(2.191.428.750)	(2.191.428.750)
Giảm khác	-	(476.264.283)	(476.264.283)
Số dư ngày 31/12/2024	172.500.000.000	47.418.086.810	219.918.086.810

(\*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/8/2024 thì Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành là 3.403.086.269 đồng và chia cổ tức 6% trên Vốn điều lệ là 10.350.000.000 đồng.

(\*\*) Số phân phối lợi nhuận năm 2024 của các Công ty con vào quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bộ Quốc phòng	123.711.900.000	123.711.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	5.000.000.000	5.000.000.000
Các đối tượng khác	43.788.100.000	43.788.100.000
<b>Cộng</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>172.500.000.000</b>



Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	172.500.000.000	172.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	172.500.000.000	172.500.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>10.350.000.000</b>	<b>8.625.000.000</b>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000

**Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu****e) Các quỹ của doanh nghiệp**

Khoản mục	01/01/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2024
Quỹ đầu tư phát triển	68.091.509.624	1.685.423.665	-	69.776.933.289
<b>Cộng</b>	<b>68.091.509.624</b>	<b>1.685.423.665</b>	<b>-</b>	<b>69.776.933.289</b>

**Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.

**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	31/12/2024	01/01/2024
<b>a) Hàng hóa, vật tư nhận giữ hộ</b>		
Vải (mét)	75.839,99	52.267
Chỉ (cuộn)	162,00	6.378
Quần áo (bộ)	-	91.130
Vật tư khác	734.447,03	347.688

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

	31/12/2024	01/01/2024
<b>c) Ngoại tệ các loại</b>		
Dollar Mỹ (USD)	179.044,06	219.696,02
<b>d) Nợ khó đòi đã xử lý</b>		
		Đơn vị tính: VND
	31/12/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần Cái Mép	8.912.276.971	-
Uniao Suprimentos Militares Ltda Ep	36.058.808	-
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	997.191.910	-
CK Diaz General Merchandise	1.450.952.832	-
Công ty Xây dựng 472 - BĐ12	208.881.400	-
<b>Cộng</b>	<b>11.605.361.921</b>	<b>-</b>

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.301.769.510.923	1.034.395.080.781
<b>Cộng</b>	<b>1.301.769.510.923</b>	<b>1.034.395.080.781</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.066.794.943.365	865.849.874.801
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.566.204.737)	(1.931.947.730)
<b>Cộng</b>	<b>1.062.228.738.628</b>	<b>863.917.927.071</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>a) Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.325.631.863	2.941.315.869
Cổ tức, lợi nhuận được chia	248.850.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	613.237.404	321.260.191
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	132.916.648	91.594
<b>Cộng</b>	<b>2.320.635.915</b>	<b>3.262.667.654</b>

**b) Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Chi phí tài chính	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	487.613	25.975.123
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	136.887.801	66.465.002
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	9.018.724
<b>Cộng</b>	<b>137.375.414</b>	<b>101.458.849</b>
5. Thu nhập khác	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ, CCDC	244.622.222	74.291.200
Thu nhập từ cho thuê nhà công vụ	-	27.056.983
Thu nhập khác	51.016.972	181.320.460
<b>Cộng</b>	<b>295.639.194</b>	<b>282.668.643</b>
6. Chi phí khác	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tiền phạt thuế và lãi chậm nộp bảo hiểm	184.890.023	129.451.225
Chi ủng hộ	24.000.000	8.000.000
Thuế GTGT đầu vào không được trừ	124.909.273	1.098.904.974
Chi phí khác	5.997.166	36.375.858
<b>Cộng</b>	<b>339.796.462</b>	<b>1.272.732.057</b>
7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	39.683.782.756	27.403.976.165
Chi phí nhân viên bán hàng	1.511.061.214	745.188.700
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.042.125.858	6.053.316.060
Chi phí dụng cụ đồ dùng	794.154.500	760.290.195
Chi phí khấu hao TSCĐ	172.220.557	172.051.633
Dự phòng bảo hành sản phẩm	24.593.502.468	3.076.249.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.185.363.221	6.305.205.322
Chi phí bằng tiền khác	5.385.354.938	10.291.674.869
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	149.663.000.443	125.089.340.454
Chi phí nhân viên quản lý	51.513.269.405	56.783.545.002
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	1.905.558.929	1.163.791.582
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.441.315.733	6.361.497.308

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Chi phí khấu hao TSCĐ	4.223.687.935	4.117.765.920
Dự phòng tiền lương	28.959.596.568	-
Thuế, phí, lệ phí	2.719.780.257	2.272.009.645
Chi phí dự phòng	148.849.133	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.392.339.713	11.721.172.013
Chi phí bằng tiền khác	44.358.602.770	42.669.558.984
<b>c) Các khoản giảm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(3.493.524.326)</b>	<b>(3.286.270.554)</b>
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(3.052.439.862)	(2.756.985.771)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(441.084.464)	(529.284.783)
Hoàn nhập dự phòng tiền lương	(1.105.606.773)	(3.000.000.000)
<b>8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	560.350.622.661	489.142.461.448
Chi phí nhân công	309.847.418.752	252.689.759.722
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.832.284.971	29.795.670.284
Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.399.461.844	100.845.066.257
Chi phí bằng tiền khác	131.253.721.970	116.230.430.258
<b>Cộng</b>	<b>1.181.683.510.198</b>	<b>988.703.387.969</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập năm chịu thuế hiện hành	11.794.996.114	6.309.906.807
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>11.794.996.114</b>	<b>6.309.906.807</b>
<b>10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	537.271.278	790.659.823
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	537.271.278
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>537.271.278</b>	<b>253.388.545</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	45.223.758.758	20.380.492.065
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(506.005.085)	(4.458.055.459)
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (*)</i>	(506.005.085)	(4.458.055.459)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban Điều hành	(506.005.085)	(4.458.055.459)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44.717.753.673	15.922.436.606
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	17.250.000	17.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	2.592	923

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban Điều hành cho năm 2023 là số liệu thực tế phân phối lợi nhuận của Công ty và các Công ty con.

Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2024 là số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của các Công ty con, chưa gồm số lợi nhuận sẽ được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty mẹ.

(\*\*) Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/8/2024. Cụ thể như sau:

	Năm 2023		
	Số trước điều chỉnh	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.380.492.065	-	20.380.492.065
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.054.969.190)	(3.403.086.269)	(4.458.055.459)
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(1.054.969.190)	(3.403.086.269)	(4.458.055.459)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban Điều hành của Công ty mẹ và các Công ty con	(1.054.969.190)	(3.403.086.269)	(4.458.055.459)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.325.522.875	(3.403.086.269)	15.922.436.606
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	17.250.000	-	17.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.120	(197)	923

10/1  
 C  
 ÁCH  
 M T  
 VI  
 /G/

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất****1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	13.553.421.517	1.260.760.670
<b>Cộng</b>	<b>13.553.421.517</b>	<b>1.260.760.670</b>

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	294.248.511	1.260.760.670
<b>Cộng</b>	<b>294.248.511</b>	<b>1.260.760.670</b>

**VIII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**a) Danh sách các bên liên quan:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bộ Quốc Phòng	Cổ đông sở hữu 71,72% vốn
Tổng Cục Hậu cần (nay là Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật - Bộ Quốc Phòng)	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Cục Hậu cần - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Cục Quân y - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Bộ Tham mưu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Cục Chính trị - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Cục Hậu cần - Kỹ thuật quân khu 5	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty Cổ phần 22	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty Cổ phần 26	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng

**Mẫu số B 09 - DN/HN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Công ty Cổ phần X19 Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Tổng Công ty XD Trường Sơn	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Tổng Công ty Trực Thăng Việt Nam	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Tổng Công ty Đông Bắc	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty TNHH MTV 76	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty TNHH MTV Cao su 75	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty TNHH MTV 43	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty CP Phát triển Hạ tầng 319	Trực thuộc Bộ Quốc phòng
Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	Trực thuộc Bộ Quốc phòng
Xí nghiệp 319.8 - CN Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	Chi nhánh của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng
Ban quản lý dự án đầu tư - CN Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	Chi nhánh của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng
Công ty CP Xây dựng và Vật liệu 319	Trực thuộc Bộ Quốc phòng
Xí nghiệp 11 - CN Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	Chi nhánh của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng
Xí nghiệp 296 - CN Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	Chi nhánh của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng
Xí nghiệp 319.7 - CN Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	Chi nhánh của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng
Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	Chi nhánh của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng
Xí Nghiệp Lam Kinh - CN Tổng Công Ty Kinh Tế Kỹ Thuật Công Nghiệp Quốc Phòng	Chi nhánh của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng
Công ty Cổ phần 199 Ông Chu Văn Đệ Ông Hoàng Sỹ Tâm Ông Hà Chí Khoa Ông Phạm Văn Đông Ông Lê Văn Nghĩa	Công ty liên kết Chủ tịch Phó Chủ tịch - Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024 và miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng từ ngày 02/8/2024)
Ông Đỗ Hoàng Sơn Ông Nguyễn Hữu Tâm Bà Nguyễn Thị Lan Phương Ông Hoàng Văn Linh Bà Ngô Thị Hoa	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024) Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024) Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024) Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024) Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024 và miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 02/8/2024)
Ông Nguyễn Đức Tuấn Bà Phan Thị Thủy Ông Nguyễn Văn Vinh	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024) Thành viên Ban kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Mua hàng</b>	<b>76.212.873.329</b>	<b>44.961.275.372</b>
Công ty Cổ phần 199	62.579.643.414	41.032.132.712
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	1.448.313.920	866.918.018
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.073.011.954	-
Công ty Cổ phần 22	385.371.482	388.677.331
Công ty Cổ phần 26	788.896.944	686.167.213
Công ty Cổ phần X19 Miền Trung	4.277.994.900	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	2.655.473.900	1.987.380.098
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	926.486.155	-
Công ty TNHH MTV 76	77.680.660	-
Xí Nghiệp Lam Kinh - CN Tổng Công Ty Kinh Tế Kỹ Thuật Công Nghiệp Quốc Phòng	29.516.655	-
<b>Bán hàng</b>	<b>839.175.686.964</b>	<b>562.056.800.978</b>
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	818.195.008.824	551.446.888.978
Cục Quân y - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	534.945.889	-
Cục Hậu cần - Kỹ thuật quân khu 5	4.441.053.297	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	4.398.711.041	2.410.277.000
Công ty Cổ phần 199	(21.452.292)	162.000.000
Công ty Cổ phần X19 Miền Trung	1.304.973.954	-
Công ty Cổ phần 26	9.977.653.580	8.037.635.000
Tổng Công ty XD Trường Sơn	46.500.000	-
Tổng Công ty Trực Thăng Việt Nam	46.337.264	-
Tổng Công ty Đông Bắc	38.030.666	-
Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	100.709.963	-
Xí nghiệp 319.8 - CN Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	15.098.439	-
Ban quản lý dự án đầu tư - CN Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	20.241.921	-
Công ty CP Xây dựng và Vật liệu 319	9.182.919	-
Xí nghiệp 11 - CN Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	14.613.674	-
Xí nghiệp 296 - CN Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	15.272.575	-
Xí nghiệp 319.7 - CN Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	38.805.250	-
<b>Cổ tức phải trả</b>	<b>7.422.714.000</b>	<b>6.185.595.000</b>
Bộ Quốc Phòng	7.422.714.000	6.185.595.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>248.850.000</b>	<b>82.950.000</b>
Công ty Cổ phần 199	248.850.000	82.950.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**Mẫu số B 09 - DN/HN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***c) Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>4.164.366.564</b>	<b>11.270.971.838</b>
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	259.639.000	11.270.971.838
Tổng Công ty Trục Thăng Việt Nam	41.680.244	-
Tổng Công ty Đông Bắc	41.073.120	-
Cục Hậu cần - Kỹ thuật quân khu 5	3.821.974.200	-
<b>Phải trả người bán</b>	<b>13.600.197.385</b>	<b>14.428.271.270</b>
Công ty Cổ phần 199	12.847.387.801	13.857.015.489
Công ty Cổ phần 26	340.112.935	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	176.544.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	152.257.536	571.255.781
Công ty TNHH MTV 76	83.895.113	-
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	6.100.670	-
Công ty Cổ phần 22	260.780.000	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>28.476.408.390</b>	<b>-</b>
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	28.339.634.076	-
Công ty TNHH MTV Cao su 75	69.191.542	-
Công ty TNHH MTV 43	31.490.126	-
Tổng công ty XD Trường Sơn	36.092.646	-
<b>Phải trả khác</b>	<b>900.000.000</b>	<b>-</b>
Bộ Tham mưu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	200.000.000	-
Cục Chính trị - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	200.000.000	-
Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	500.000.000	-

**d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	4.935.455.952	2.754.144.629
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	72.000.000	63.600.000
Thu nhập và thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát	75.500.000	428.981.130
<b>Cộng</b>	<b>5.082.955.952</b>	<b>3.246.725.759</b>

Chi tiết từng thành viên như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Thu nhập và thù lao của các thành viên Ban Điều hành và thành viên quản lý khác</b>			
Ông Chu Văn Đệ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.008.602.569	545.280.890

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Ông Vũ Văn Nhất	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 01/07/2023)	-	310.372.755
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	968.391.051	556.850.996
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	780.358.839	468.139.466
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	790.284.942	461.928.235
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc từ ngày 02/8/2024 và miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng từ ngày 02/8/2024	716.084.430	411.572.287
Bà Ngô Thị Hoa	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)	671.734.121	-
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)	15.000.000	-
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)	15.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)	21.000.000	31.800.000
Ông Hoàng Văn Linh	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)	21.000.000	31.800.000
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Trưởng ban kiểm soát (không chuyên trách) (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)	27.500.000	-
Bà Ngô Thị Hoa	Trưởng ban kiểm soát (chuyên trách) (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)	-	390.581.130
Bà Phan Thị Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	19.200.000
Ông Nguyễn Văn Vinh	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	19.200.000
<b>Cộng</b>		<b>5.082.955.952</b>	<b>3.246.725.759</b>

**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần X20 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa



Chu Văn Đệ

TỔNG CỤC HẬU CẦN  
CÔNG TY CỔ PHẦN X20

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~176~~/CTCP-TCKT

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

V/v công bố thông tin  
BCTC đã được kiểm toán  
năm 2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần X20 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) đã được kiểm toán năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

**1. Tên tổ chức:**

- Mã chứng khoán: X20
- Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0243 864 3381 Fax: 0243 864 1208
- Email: [info@gatexco20.com.vn](mailto:info@gatexco20.com.vn) Website: [www.gatexco20.com.vn](http://www.gatexco20.com.vn)

**2. Nội dung thông tin công bố:**

- BCTCh năm 2024

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC được kiểm toán năm 2024.

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

2

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: /03/2025 tại đường dẫn: <https://gatexco20.com.vn/thong-tin-tai-chinh/>

### 3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố *sl*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.H02.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT *sl*



Chu Văn Đệ